

sorbic trong chà lưa trên địa bàn huyện Lai Vung - Đồng Tháp, Luận văn tốt nghiệp ngành công nghệ hoá học, Đại học Cần Thơ.

5. Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Công Khanh, Hà Thị Anh Đào (2012), Đánh giá hiệu quả can thiệp đến tình trạng sử dụng phẩm màu, hàn the, acid benzoic và acid sorbic trong chế biến thực phẩm tại Quảng Bình, Tạp chí Khoa học và Phát triển 2012, tập 10, số 3, tr. 479-486.

6. Phan Nguyễn Trang (2008), Khảo sát hàn the và

chất lượng thực tế của chà lưa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, Luận văn tốt nghiệp kỹ sư ngành công nghệ thực phẩm, Đại học Cần Thơ.

7. Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Văn Phương (2014), Thực trạng sử dụng hàn the trong một số loại thực phẩm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Tạp chí Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học các trường Đại học Sư phạm Toàn quốc lần thứ VII năm 2014, tr. 281-285.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA, NGUYỄN VIỆT QUANG
Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bằng phương pháp nghiên cứu mô tả, thiết nghiên cứu cắt ngang 60 trường từ tiểu học đến trung học cơ sở nhằm mô tả hoạt động của y tế trường học. Kết quả thu được:

(1). Thực trạng hoạt động y tế trường học tại thành phố Thái Nguyên: Tỷ lệ các trường có thực hiện hầu hết các nhiệm vụ y tế trường học đều đạt trên 90%. Riêng hoạt động phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS chỉ đạt 16,7% đến 30%.

(2). Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học: Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế học đường chủ yếu là trung cấp, chiếm tỷ lệ 93,3%. Tỷ lệ các cán bộ y tế học đường có kỹ năng tự tư vấn cho học sinh về vấn đề sức khỏe là 13,3%. Tỷ lệ các cán bộ y tế học đường có kỹ năng tự thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho học sinh là 3,3%.

Các tác giả khuyến nghị cần tổ chức các lớp tập huấn về truyền thông, chăm sóc sức khỏe cho học sinh, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế học đường.

Từ khóa: Y tế học đường, hoạt động y tế trường học, chương trình y tế trường học, sức khỏe học sinh.

SUMMARY

THE REAL SITUATION OF SCHOOL HEALTH ACTIVITY IN THAI NGUYEN CITY OF THAI NGUYEN PROVINCE

In order to evaluate the real situation of school health activity, a cross-sectional study have been conducted by Department on environmental and occupational Health of Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy. The research was carried from on 60 schools (Primary and Secondary school) in Thai Nguyen city of Thai Nguyen province, the results showed:

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Địa chỉ: Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên
Email: ntqhoa375ydt@gmail.com
Ngày nhận: 01/12/2016
Ngày phản biện: 21/12/2016
Ngày duyệt bài: 04/1/2017
Ngày xuất bản: 30/1/2017

(1) The real situation of school health activities in Thai Nguyen city of Thai Nguyen province: the rate of performing on school medical mission was more than 90%; Health programs on malnutrition and anemia preventing were implemented from 16,7% to 30.0% of schools. (2) Relative factors to school health activities: The level of professional qualifications on school health cadres is mainly intermediate 93.3%. The rate of school health staff are able for communication about health issues is 13.3%; performing periodic health examination is 3.3%.

The authors have proposed a communication, health care programme, retraining for school health cadres.

Keywords: School health, school health activities, school health programs, school.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Y tế trường học có nhiệm vụ nghiên cứu tác động của các yếu tố môi trường, điều kiện học tập và triển khai các hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh, qua đó tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển hài hòa, toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần của học sinh. Y tế trường học có vai trò quan trọng trong sự nghiệp giáo dục sức khỏe cho thế hệ trẻ.

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho học sinh luôn là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. Báo cáo tổng kết công tác y tế trường học (YTTH) năm 2013 của Bộ Y tế ghi nhận tỷ lệ có phòng y tế trong các trường học chỉ đạt 59,6%; Tỷ lệ có cán bộ y tế chuyên trách đạt 57%, có Ban chăm sóc sức khỏe học sinh đạt 58,2% [1].

Tuy nhiên, hiện nay các hoạt động y tế trường học triển khai chưa nhiều, còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại trong hoạt động YTTH. Vấn đề đặt ra tại thành phố Thái Nguyên là: hoạt động y tế trường học như thế nào, yếu tố nào ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học. Chúng tôi nghiên cứu đề tài này nhằm mục tiêu:

1) Mô tả hoạt động y tế trường học của một số trường phổ thông tại thành phố Thái Nguyên năm 2016.

2) Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học tại một số trường phổ thông.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu

* Con người:

- Cán bộ phụ trách y tế trường học các trường tiểu học, trung học cơ sở.

- Lãnh đạo nhà trường, cán bộ phòng giáo dục phụ trách công tác y tế trường học.

* Các báo cáo nghiên cứu, số liệu sẵn có về YTTH.

1.2. Địa điểm nghiên cứu

32 trường tiểu học, 28 trường trung học cơ sở trong toàn thành phố Thái Nguyên.

1.3. Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2016

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu mô tả, thiết kế nghiên cứu cắt ngang. Nghiên cứu định tính theo phương pháp phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

2.2. Cỡ mẫu, chọn mẫu nghiên cứu

+ Cỡ mẫu, chọn mẫu định lượng: Chọn chủ đích, toàn bộ các trường tiểu học, THCS trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, các cán bộ y tế trường học của các trường thuộc địa bàn thành phố Thái Nguyên. Tổng số 29 CBYT học đường trường tiểu học, 29 CBYT học đường trường trung học cơ sở. Chia theo khu vực gần trung tâm, xa trung tâm thành phố.

+ Cỡ mẫu, chọn mẫu định tính: Chọn 6 cán bộ y tế trường học để thảo luận nhóm (3 cán bộ thuộc trường tiểu học, 3 cán bộ thuộc trường THCS); Chọn một cán bộ phòng giáo dục để phỏng vấn.

2.3. Chỉ tiêu nghiên cứu

* Thực trạng hoạt động y tế trường học

- Tỷ lệ các trường thực hiện chương trình y tế trường học (chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh truyền nhiễm, phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng, chương trình nha học đường, chương trình mắt học đường, phòng

chống HV/AIDS, tai nạn thương tích, vệ sinh môi trường).

Tỷ lệ cán bộ YTHĐ thực hiện nhiệm vụ và nội dung y tế trường học.

* Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học

- Số lượng, trình độ chuyên môn của cán bộ y tế học đường.

- Tỷ lệ cán bộ y tế trường học thực hiện kỹ năng tư vấn và khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

- Thực hiện triển khai các văn bản về y tế trường học của các trường.

- Cơ sở vật chất của các trường.

- Kinh phí thực hiện các chương trình y tế trường học.

3. Phương pháp thu thập số liệu

3.1. Công cụ thu thập số liệu

- Bộ câu hỏi.

- Phiếu thu thập thông tin

3.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Phỏng vấn cán bộ y tế học đường theo bộ câu hỏi thiết kế có sẵn về việc thực hiện các hoạt động y tế trường học.

- Thu thập số liệu thứ cấp qua sổ sách, báo cáo về y tế trường học.

4. Đạo đức trong nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng khoa học của trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên. Nghiên cứu được sự chấp thuận và tạo điều kiện thuận lợi của phòng Giáo dục và các trường học trong toàn thành phố Thái Nguyên

5. Xử lý số liệu: Bằng phần mềm STATA 13, tính tỷ lệ %.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Hoạt động y tế trường học của một số trường phổ thông tại thành phố Thái Nguyên năm 2016

Bảng 1. Tỷ lệ các trường thực hiện hoạt động (Chương trình - CT) y tế trường học

Trường Chương trình hoạt động	Tiểu học (SL=32)		THCS (SL= 28)		Tổng (SL=60)	
	SL	%	SL	%	SL	%
CT Chăm sóc sức khỏe ban đầu	31	96,9	28	100	59	98,3
CT Phòng chống bệnh truyền nhiễm	16	50,0	20	71,4	36	60,0
CT Phòng chống thiếu máu	5	15,6	5	17,9	10	16,7
CT Phòng chống suy dinh dưỡng	6	18,8	5	17,9	11	18,3
CT Nha học đường	29	90,6	16	57,1	45	75,0
CT Phòng chống HIV/AIDS	10	31,3	8	28,6	18	30,0
CT Phòng chống tai nạn thương tích	28	87,5	26	92,9	54	90,0
CT Vệ sinh môi trường	30	93,8	27	96,4	57	95,0
CT Cận thị học đường	31	96,9	28	100	58	98,3
Hoạt động ngoại khoá	28	87,5	22	78,6	50	83,3
Giáo dục sức khỏe	32	100	28	100	60	100
Tổ chức khám sức khỏe định kỳ	32	100	28	100	60	100
Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh	32	100	28	100	60	100
Tư vấn	28	87,5	27	96,4	55	91,6

Nhận xét: tỷ lệ các trường có thực hiện hầu hết các nhiệm vụ y tế trường học đều đạt trên 90%. Riêng hoạt động phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS chỉ đạt 16,7% đến 30%.

Tỷ lệ các cán bộ y tế học đường thực hiện nhiệm vụ y tế học đường: 100% cán bộ y tế học đường xây dựng kế hoạch hoạt động trường học, sơ cứu và xử lý ban đầu các bệnh thông thường, khám sức khỏe định kỳ và quản lý hồ sơ sức khỏe, triển khai các chương

trình y tế tại trường học, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường thực hiện các yêu cầu vệ sinh, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường thực hiện GDSK, tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về YTTH, báo cáo công tác YTTH theo quy định.

2. Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học

Tỷ lệ nữ làm công tác y tế học đường là 98,3%; nam là 1,7%.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế học đường

Trường	Tiểu học (SL=32)		THCS (SL= 28)		Tổng (SL=60)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Trình độ						
Trung cấp	30	93,8	26	92,8	56	93,3
Cao đẳng	2	6,2	2	7,2	4	6,7

Nhận xét: tỷ lệ cán bộ y tế học đường có trình độ trung cấp là chủ yếu, chiếm tỷ lệ 93,3%; Có 6,7% cán bộ y tế học đường có trình độ cao đẳng.

Bảng 3. Công việc của cán bộ (CB) y tế học đường

Trường	Tiểu học (SL=32)		THCS (SL= 28)		Tổng (SL=60)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Công việc						
CB chuyên trách	30	93,8	20	71,4	50	83,3
CB kiêm nhiệm	2	6,2	8	28,6	10	16,7
Hợp đồng	2	6,2	7	25,0	9	15,0
Biên chế	30	93,8	21	75,0	51	85,0

Hầu hết các văn bản triển khai về y tế trường học là do từ phòng giáo dục triển khai xuống các trường học. Nội dung các văn bản chưa thực sự kịp thời, nhiều khi hoạt động y tế học đường còn do trạm y tế chỉ đạo các trường thực hiện. Theo bà Hoàng Thị Th “ Có những đợt triển khai phòng chống dịch bệnh cho học sinh là do triển khai của trạm y tế xã phường chỉ đạo trực tiếp”.

Hộp 2. Cơ sở vật chất của các trường

Cơ sở vật chất để thực hiện hoạt động y tế trường học tại các trường chưa được đầy đủ trong đó trang thiết bị và thuốc thiết yếu là thiếu nhiều nhất. Theo bà Phạm Thị M cho biết “Thuốc thiết yếu dành cho hoạt động sơ cấp cứu hầu như chưa đáp ứng theo danh mục quy định, các vật liệu truyền thông giáo dục sức khỏe như tranh ảnh cho các chương trình chăm sóc sức khỏe như không có; Diện tích phòng y tế chưa đủ theo quy định là 12m². “

Hộp 3. Kinh phí thực hiện các chương trình y tế trường học

Bà Nguyễn Thị H - Phòng giáo dục “chương trình không có kinh phí hoạt động vì vậy công tác triển khai hoạt động gặp nhiều khó khăn. Tại các trường, do phải tự cân đối ngân sách nên kinh phí phân bổ cho hoạt động y tế trường học không đồng đều”.

BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ các trường có thực hiện hầu hết các nhiệm vụ y tế trường học đã đạt trên 90%. Riêng hoạt động của các Chương trình phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS mới chỉ đạt 16,7% đến 30%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi tương tự với kết quả nghiên cứu của Kim Ngọc Thủy và cộng sự, về thực trạng hoạt động y tế trường học tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và Bùi Văn Vinh nghiên cứu tại huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động về y tế học đường như tỷ lệ cán bộ y tế học đường chủ yếu là nữ giới (98,3%). Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế học đường chủ yếu là trung cấp, chiếm tỷ lệ 93,3%, tỷ

Nhận xét: tỷ lệ cán bộ y tế học đường chủ yếu là cán bộ chuyên trách (83,3%) và biên chế (85,0%).

Bảng 4. Tỷ lệ cán bộ y tế học đường thực hiện kỹ năng tổ chức khám sức khỏe định kỳ

Trường	Tiểu học (SL=32)		THCS (SL= 28)		Tổng (SL=60)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Kỹ năng						
Tự làm được	2	6,3	0	0	2	3,3
Làm có sự hỗ trợ	30	93,8	28	100	58	96,7

Nhận xét: tỷ lệ cán bộ y tế học đường thực hiện kỹ năng khám sức khỏe định kỳ (tự làm được là 3,3%; làm có sự hỗ trợ là 96,7%).

Bảng 5. Tỷ lệ cán bộ y tế học đường thực hiện kỹ năng tư vấn cho học sinh

Trường	Tiểu học (SL=32)		THCS (SL= 28)		Tổng (SL=60)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Kỹ năng						
Tự làm được	6	18,8	2	7,1	8	13,3
Làm có sự hỗ trợ	26	81,2	26	92,9	52	86,7

Nhận xét: tỷ lệ cán bộ y tế học đường thực hiện kỹ năng tư vấn (tự làm được là 13,3%; làm có sự hỗ trợ là 86,7%).

Các kết quả nghiên cứu định tính cho thấy có một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của y tế học đường như:

Hộp 1. Thực hiện triển khai các văn bản về y tế trường học của các trường

lệ cán bộ y tế học đường chủ yếu là cán bộ chuyên trách (83,3%) và biên chế (85,0%). Như vậy cán bộ y tế học đường đã có đủ mỗi trường có 01 cán bộ, tuy nhiên trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được so với yêu cầu, nhiệm vụ của y tế học đường. Một số chương trình y tế học đường chưa được cán bộ thực hiện được theo yêu cầu như: Chương trình phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng...

Tỷ lệ cán bộ y tế học đường thực hiện được kỹ năng tổ chức khám sức khỏe định kỳ chưa cao (tự làm được là 3,3%; làm có sự hỗ trợ là 96,7%), cũng như kỹ năng tư vấn cho học sinh (tự làm được là 13,3%; làm có sự hỗ trợ là 86,7%). Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự như nghiên cứu của Kim Ngọc Thủy và Bùi Văn Vinh.

Về thực hiện các văn bản triển khai về y tế học đường, trang thiết bị y tế dành cho y tế trường học cũng như kinh phí hoạt động chưa đáp ứng theo các quy định về hoạt động y tế trường học.

KẾT LUẬN

1. Hoạt động y tế trường học tại thành phố Thái Nguyên

Tỷ lệ các trường có thực hiện hầu hết các nhiệm vụ y tế trường học đều đạt trên 90%. Riêng hoạt động phòng chống thiếu máu, phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống HIV/AIDS chỉ đạt 16,7% đến 30%.

2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động y tế trường học tại thành phố Thái Nguyên

Về trình độ chuyên môn của y tế học đường: trình độ chuyên môn của cán bộ y tế học đường chủ yếu là trung cấp, chiếm tỷ lệ 93,3%.

Về thực hiện nhiệm vụ của y tế trường học: tỷ lệ các cán bộ y tế học đường có kỹ năng tư vấn cho học sinh về vấn đề sức khỏe là 13,3%. Tỷ lệ các cán bộ y tế học đường có kỹ năng tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho học sinh là 3,3%.

KHUYẾN NGHỊ

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ y tế học đường ở các trường về kỹ năng thực hiện tư vấn, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

Tiếp tục đào tạo và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế học đường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2013), *Trường học nâng cao sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2013.
2. Nguyễn Thị Hồng Diễm, Trương Đình Đắc (2011), Thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác y tế trường học tại các trường phổ thông hiện nay, *Tạp chí Y học thực hành* (768) - Số 6/2011, tr. 137-139.
3. Chu Văn Thắng (2009), *Nghiên cứu thực trạng công tác Y tế trường học ở Việt Nam hiện nay và đề xuất mô hình quản lý phù hợp*, Báo cáo kết quả nghiệm thu đề tài cấp bộ, Trường Đại học Y Hà Nội, 2009, tr. 71-92.
5. Kim Ngọc Thủy, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2016), *Thực trạng hoạt động y tế trường học tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn*, *Tạp chí Y học thực hành*, số 9/2016, tr 99 - 103.
6. Bùi Văn Vinh, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa (2015), *Thực trạng hoạt động y tế trường học tại huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình*, *Tạp chí Y học thực hành*, số 9 (976), tr 35 - 38.
7. C. T. Bonnesen, R. Plauborg, A. M. Denbæk, P. Due, A. Johansen (2015), Process evaluation of a multi-component intervention to reduce infectious diseases and improve hygiene and well-being among school children: the Hi Five study, *Health Education Research*, Vol.30 no.2 2015, 497-512.
8. Monica Carlsson, Venka Simovska (2012), Exploring learning outcomes of school-based health promotion-a multiple case study, *Health Education Research*, Vol.27 no.3 2012, 437-447.

NGHIÊN CỨU TỈ LỆ BỆNH TRỨNG CÁ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÀ HUY TẬP, VINH – NGHỆ AN

NGUYỄN HỮU LIÊM¹, ĐẶNG VĂN EM²

¹Trung tâm Da liễu-Phong Nghệ An

²Bệnh viện TƯQĐ 108

TÓM TẮT

Mục tiêu: khảo sát tỉ lệ bệnh trứng cá học sinh trung học phổ thông Hà Huy Tập, TP. Vinh-Nghệ An. **Đối tượng và phương pháp:** 302 học sinh trung học phổ thông được chọn ngẫu nhiên mỗi khối 2 lớp, nghiên cứu tiến cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** Học sinh nữ chiếm 60,27% nhiều hơn nam 39,73%. Tỷ lệ bị trứng cá 69,21%; nữ bị trứng cá 63,16% nhiều hơn nam 36,84%; tuổi 17 bị trứng cá chiếm tỷ lệ cao nhất 36,84%. **Kết luận:** Học sinh nữ 60,27% nhiều hơn nam và tỉ lệ bị trứng cá là 69,21%, nữ bị nhiều hơn nam và chủ yếu tuổi 17.

Từ khóa: Trường trung học phổ thông, trứng cá.

SUMMARY

THE STUDY RATIO WITH ACNE OF PUPILS AT THE HA HUY TAP HIGH SCHOOL, VINH-NGHE AN

Objective: Evaluating the ratio of acne of high school Ha Huy Tap, Vinh, Nghe An. **Subject and method:** A descriptive study involved 302 pupils. **Result:** Pupil Female 60.27%, pupil male 39.73%. **Ratio of acne** 69.21%, female 63.16%, male 36.84%. **Conclusion:** this study showed that acne meet essential female, age 17.

Keywords: High school, acne.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh trứng cá (acne) là bệnh da phổ biến ở lứa tuổi 15 đến 30 cả nam và nữ với nhiều hình thái thương tổn đa dạng như: sần, mụn mủ, cục, nang, nhân đầu trắng, nhân đầu đen..., thường gặp ở vùng mặt, ngực và lưng [1]. Căn nguyên gây bệnh được biết đến là do sự tăng tiết chất bã, sừng hóa cổ nang lông, sự có mặt của vi khuẩn (chủ yếu là P.acnes), tình trạng viêm cùng với các yếu tố liên quan khác làm nặng thêm trứng cá như: thời tiết, chế độ ăn, tâm lý, thói quen sinh hoạt... [2],[3]. Dựa vào hình thái lâm

Chịu trách nhiệm: Đặng Văn Em
Địa chỉ: Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Email: dr.dangvanem@yahoo.com.vn
Ngày nhận: 01/12/2016
Ngày phân biên: 19/12/2016
Ngày duyệt bài: 28/12/2016
Ngày xuất bản: 30/1/2017